TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ - PT
Ngày 09 - 8 - 2022
"V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản và nợ chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phượng
Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Luông
Ông Võ Hoàng Khải

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hol – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang*:** Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 13/2022/TLPT - HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022 về việc "Ly hôn, nuôi con và chia tài sản và nợ chung".

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 30/2022/HNGĐ – ST ngày 17 tháng 5 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 13/2022/QĐ - PT ngày 15 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hoàng Y, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện T, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (Theo Hợp đồng ủy quyền được công chứng ngày 09/6/2022): Ông Nguyễn Văn E, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: Khu vực X, phường N, quận B, Thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Chị Phạm Mỹ C, sinh năm 1985 (có mặt).

Nơi ĐKHKTT: Ấp H, xã L, huyện T, tỉnh Hậu Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp D, thị trấn U, huyện T, tỉnh Hậu Giang.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn Nguyễn Hoàng Y trình bày: Anh và chị Phạm Mỹ C chung sống vào nhau vào khoảng năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Hậu Giang. Chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị C không chăm lo gia đình mà tham gia đánh số, bắn cá, anh có khuyên răn nhiều lần nhưng chị C không bỏ nên dẫn đến vợ chồng cự cãi không hàn gắn được và đã sống ly thân từ tháng 10/2020 cho đến nay. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Mỹ C.

Về con chung: Thời gian chung sống giữa anh và chị C có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc T (giới tính nữ), sinh ngày 04/04/2019. Hiện tại cháu T đang sống với chị C từ khi ly thân cho đến nay. Anh đồng ý để cho chị C được trực tiếp nuôi con và đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống có tài sản chung gồm:

- 02 xe gắn máy, 01 xe tải, công trình xây dựng có giá trị là 205.000.000 đồng, anh đồng ý nhận và giao lại cho chị C ½ giá trị.

- Phần tiền hùn mua đất với ông Nguyễn Hoàng A thì anh có yêu cầu chia với giá trị là 550.000.000 đồng, anh đồng ý đứng ra nhận phần giá trị đã hùn vốn với ông A và đồng ý giao lại cho chị C ½ giá trị là 275.000.000 đồng, nếu anh được nhận phần hùn vốn này thì giữa anh với ông A tự giải quyết với nhau.

- Ngoài ra khi còn sống chung anh và chị C có cho anh Phạm Thành Đ vay mượn số tiền 100.000.000 đồng và anh Đ đã trả cho chị C. Chị C đã sử dụng vào mục đích riêng nên anh yêu cầu được chia ½ số tiền, chị C phải giao lại cho anh là 50.000.000 đồng

Về nợ chung: Vào khoảng tháng 10/2017 anh và chị C có cố phần đất cho ông Nguyễn Hoàng A với số tiền 100.000.000 đồng, phần đất do anh đứng tên quyền sử dụng, mục đích cố là để lấy tiền sử dụng vào việc làm ăn của vợ chồng. Đến ngày 22/7/2017 có vay nợ ngân hàng Sacombank và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đất riêng do anh đứng tên), đến khi đáo hạn không có tiền thanh toán nên anh và chị C có qua nhờ anh Nguyễn Hoàng K đứng ra trả tiền nợ ngân hàng thay và trả luôn phần tiền đã cố cho ông A trước đây với số tiền tổng cộng là 450.000.000 đồng. Đến tháng 11/2018 thì anh đứng ra chuyển nhượng phần đất riêng do anh đứng tên để trả hết toàn bộ số tiền nợ cho anh K. Nay anh

yêu cầu chị C phải có trách nhiệm giao lại ½ số nợ mà anh đã đứng ra trả trước đây với số tiền là 225.000.000 đồng.

Bị đơn chị Phạm Mỹ C trình bày: Chị và anh Nguyễn Hoàng Y bắt đầu chung sống với nhau từ năm 2013, đến năm 2017 mới đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh Y có quen biết người phụ nữ khác, dẫn đến vợ chồng thường hay cự cãi và cũng được hai bên gia đình hàn gắn nhưng không được, nay anh Y yêu cầu ly hôn thì chị thống nhất.

Về con chung: Có 01 con chung như anh Y trình bày, chị đồng ý trực tiếp nuôi con và đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con mà anh Y đã đưa ra.

Về tài sản chung:

- Đối với phần tài sản là 02 xe gắn máy, 01 xe tải, công trình xây dựng chị giữ nguyên như thỏa thuận trước đây là đồng ý để anh Y được sử dụng và nhận lại ½ giá trị tài sản.

- Đối với phần tiền hùn mua đất với ông Nguyễn Hoàng A với mức giá trị chênh lệch phần tiền hùn mua đất mà anh Y đưa ra thì chị đồng ý nhưng anh Y yêu cầu chia đôi thì chị không đồng ý vì đây là phần tài riêng của chị đã bỏ ra để hùn vốn mua đất với ông Nguyễn Hoàng A

- Đối với phần tiền cho anh Phạm Thành Đ vay là từ tài sản riêng của chị, nguồn tiền là do chị bán phần đất là tài sản riêng mà có, nguồn tiền này chị cũng đã dùng để hùn vốn mua đất với ông A. Số tiền anh Đ vay của chị là 50.000.000 đồng và anh Đ đã trả xong. Do đó anh Y yêu cầu chị giao lại cho anh Y là 50.000.000 đồng thì chị không đồng ý.

Về nợ chung: Đối với phần tiền cố đất cho ông A, chị xác định lúc anh Y cố đất cho ông A, chị và anh Y chỉ mới quen biết chứ chưa sống chung với nhau. Đối với phần tiền vay của ngân hàng S thì chị đồng ý là trước đây chị với anh Y có đứng ra vay số tiền là 320.000.000 đồng và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh Y đứng tên. Do lúc nợ quá hạn nên anh Y có kêu bán đất để trả nợ và anh Kiệt đồng ý nhận chuyển nhượng phần đất và thanh toán toàn bộ phần nợ ngân hàng. Đối với số nợ này đã chấm dứt khi vợ chồng còn sống chung và chưa phát sinh mâu thuẫn nên anh Y yêu cầu chị hoàn lại ½ số nợ thì chị không đồng ý.

Quá trình thu thập chứng cứ ông Nguyễn Hoàng A trình bày: Đối với phần tiền hùn vốn mua đất và do anh đứng tên thì trong đó có phần của vợ chồng Y và C là 450.000.000 đồng, việc thỏa thuận giá trị phần tiền hùn để giải quyết vấn đề tranh chấp tài sản giữa vợ chồng Y, anh không có ý kiến gì. Trường hợp Tòa án

phân chia phần tiền hùn vốn này cho ai thì sau nay giữa những người hùn vốn và người được phân chia theo bản án của Tòa án sẽ tự thỏa thuận giải quyết với nhau theo tỉ lệ phần hùn vốn ban đầu.

Anh Nguyễn Hoàng K trình bày: Trước đây vợ chồng Y có vay nợ ngân hàng và đến nợ quá hạn không thanh toán được nên vợ chồng Y và C có kêu bán đất để trả nợ ngân hàng và kêu nhiều lần nhưng không có ai mua, sau đó anh Y có kêu anh để nhận chuyển nhượng và anh đồng ý. Vào tháng 10/2018 anh mới vay ngân hàng để lấy tiền nhận chuyển nhượng phần đất mà Y đã thế chấp, ngày 31/10/2018 anh và anh Y cùng đến ngân hàng để giải chấp, sau khi xóa thế chấp xong thì chuyển tên qua cho anh, nhưng anh Y có nói với anh là phần đất này trước đây có cố cho Nguyễn Hoàng A số tiền 100.000.000 đồng, sau khi xem lại phần đất và anh đã đồng ý trả thêm số tiền 100.000.000 đồng này cho Nguyễn Hoàng A, tổng số tiền anh đã đưa ra là 450.000.000 đồng để nhận chuyển nhượng phần đất của anh Nguyễn Hoàng Y (giá chuyển nhượng 65.000.000/công tầm lớn), ngoài ra anh không có cho vợ chồng Y vay mượn khoản tiền nào.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 30/2022/HNGĐ – ST ngày 17 tháng 5 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Hậu Giang đã tuyên xử như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hoàng Y đối với chị Phạm Mỹ C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Hoàng Y và chị Phạm Mỹ C.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Trâm, giới tính: Nữ, sinh ngày 04/04/2019 cho chị Phạm Mỹ C được trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng của anh Nguyễn Hoàng Y. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày 17/5/2022 cho đến khi cháu Nguyễn Ngọc T tròn 18 tuổi.

Anh Nguyễn Hoàng Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Hoàng Y được quyền sử dụng phần tài sản gồm 01 xe gắn máy mang biển kiểm soát số 95H1 - 328.64, 01 xe gắn máy mang biển kiểm soát số 95H1 - 355.19 do anh Nguyễn Hoàng Y đúng tên giấy đăng ký, 01 xe tải biển kiểm soát số 95C - 049.83 do chi Phạm Mỹ C đứng tên giấy đăng ký, 01 công trình xây dựng là nhà kho chứa phế liệu. Buộc anh Y phải giao lại cho chị

C ½ giá trị tương đương số tiền 102.500.000 (một trăm lẻ hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản là phần tiền hùn vốn mua đất có số tiền hùn là 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng) với ông Nguyễn Hoàng A. Công nhận phần tiền này là tài sản riêng của chị Phạm Mỹ C.

Chấp nhận yêu cầu chia số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) mà trước đây cho anh Phạm Thành Đ vay hiện do chị C quản lý. Buộc chị C phải giao lại cho anh Y số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu) đồng.

4. Về nợ chung: Không chấp nhận yêu cầu của anh Y buộc chị C phải giao lại ½ số tiền nợ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo qui định.

Ngày 31/5/2022, nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng Y có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chia đôi phần tiền hùn vốn mua đất 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng) với ông Nguyễn Hoàng A.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện ủy quyền của nguyên đơn bổ sung một phần yêu cầu kháng cáo như sau: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chia đôi số tiền nợ 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng) nguyên đơn đã bán đất là tài sản riêng để trả nợ cho Ngân hàng S và tiền cố đất cho ông Nguyễn Hoàng A, vào năm 2018.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*

[1.1] Nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng Y khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con, chia tài sản và nợ chung. Bị đơn trong vụ án là chị Phạm Mỹ C, hiện tại có nơi cư

trú tại ấp H, xã L, huyện T, tỉnh Hậu Giang nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý, giải quyết là đúng qui định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng Y có đơn kháng cáo đúng qui định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng Y bổ sung thêm yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu trách nhiệm chia đôi số tiền nợ 450.000.000 đồng do nguyên đơn bán đất là tài sản riêng vào năm 2018 để trả nợ cho Ngân hàng Sacombank và ông Nguyễn Hoàng A. Xét thấy, đã hết thời hạn kháng cáo theo quy định và nội dung kháng cáo bổ sung của nguyên đơn vượt quá yêu cầu kháng cáo ban đầu. Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào quy định tại Điều 284 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, không chấp nhận xem xét yêu cầu kháng cáo bổ sung của nguyên đơn.

[1.2] Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành làm việc và hòa giải vụ án có đưa những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng, gồm ông Nguyễn Hoàng A; ông Cao Hữu P; bà Nguyễn Thị Phương L; ông Nguyễn Hoàng K và người làm chứng bà Nguyễn Thị Ngọc Đ. Tuy nhiên, tại Bản án sơ thẩm số 30/2022/HNGĐ – ST ngày 17 tháng 5 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện T không đưa những người nêu trên vào tham gia tố tụng là có thiếu sót. Nhưng thiếu sót này không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Hội đồng xét xử phúc thẩm phân tích thiếu sót trên, để Tòa án cấp sơ thẩm cần thiết phải rút kinh nghiệm đối với sai sót này. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không nhất thiết phải hủy bản án sơ thẩm.

[2] *Về nội dung:* Xét kháng cáo của nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng Y, yêu cầu chia đôi số tiền hùn vốn mua đất 450.000.000 đồng với ông Nguyễn Hoàng A.

Anh Nguyễn Hoàng Y và chị Phạm Mỹ C chung sống với nhau từ năm 2013, nhưng đến năm 2017 mới đăng ký kết hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân của anh Y và chị C được xác lập từ thời điểm đăng ký kết hôn (ngày 18 tháng 5 năm 2017). Các tài sản anh Y và chị C hình thành trước khi đăng ký kết hôn nếu không thỏa thuận là tài sản chung thì tài sản riêng của ai thì người đó được quyền định đoạt. Hội đồng xét xử nhận thấy, bị đơn cho rằng số tiền 450.000.000 đồng hùn vốn mua đất với ông Nguyễn Hoàng A là tài sản riêng của bị đơn là có cơ sở. Cụ thể trước khi về chung sống với nguyên đơn, bị đơn đã có tài sản riêng là phần đất có diện tích 1111,0m^2, đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp 1A, xã G, huyện T, tỉnh Hậu Giang; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00678 cấp cho chị Phạm Mỹ C vào

ngày 07/7/2011. Ngày 19/5/2019, bị đơn chuyển nhượng diện tích đất nêu trên cho bà Nguyễn Thị Ngọc Đ với giá 1.000.000đồng/m^2, và đã nhận cọc của bà Đ 300.000.000 đồng (Bút lục số 81, 82, 111). Tổng giá trị đối với phần đất là 1.168.000.000 đồng, chị C không nhập vào tài sản chung nên thuộc quyền sở hữu riêng của chị C. Nguyên đơn kháng cáo cho rằng số tiền 450.000.000 đồng chị Phạm Mỹ C hùn vốn mua đất với ông A, là tài sản chung, nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm, không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] *Về án phí*: Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục về án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016), anh Nguyễn Hoàng Y phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về qui định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng Y. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản là phần tiền hùn vốn mua đất có số tiền hùn là 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng) với ông Nguyễn Hoàng A. Công nhận phần tiền này là tài sản riêng của chị Phạm Mỹ C.

2. Về án phí Hôn nhân và Gia đình phúc thẩm:

Buộc anh Nguyễn Hoàng Y phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011931 ngày 31/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

3. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm, không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 09/8/2022.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND H. T;
- Chi cục THADS H. T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Phượng